

CÔNG TY TNHH CHUỖI CUNG ỨNG SẢN PHẨM TRUNG VIỆT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CHUỖI CUNG ỨNG SẢN PHẨM TRUNG VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUNG VIET PRODUCTS SUPPLY CHAIN COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110261082

3. Ngày thành lập: 22/02/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 4NV1B-18 The Manor Central Park Nguyễn Xiển, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 66587878

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác chi tiết: Buôn bán các loại xe ô tô và phương tiện có gắn động cơ	4511
2.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác chi tiết: Sửa chữa, bảo hành, bảo dưỡng các loại xe ô tô và phương tiện có gắn động cơ	4520
3.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa chi tiết: Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa	4610
4.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
5.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt Bán buôn thủy sản Bán buôn rau, quả Bán buôn cà phê Bán buôn chè Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột	4632
6.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn Bán buôn đồ uống không có cồn	4633
7.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép chi tiết: Kinh doanh hàng may mặc, dệt may	4641
8.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chi tiết: Mua bán tạp phẩm và văn phòng phẩm	4649
9.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: Buôn bán máy móc thiết bị tin học, mạng thông tin và các phần mềm máy tính (trừ thiết bị thu phát sóng)	4651

10.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông chi tiết: Buôn bán máy móc thiết bị viễn thông	4652
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất giấy, và in ấn	4659
12.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng	4663
13.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Mua bán hóa chất phục vụ cho sản xuất giấy, và in ấn (Trừ các loại hóa chất nhà nước cấm) Mua bán nhựa và các sản phẩm từ nhựa	4669
14.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
15.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
16.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
17.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
18.	Quảng cáo	7310
19.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng chi tiết: Thiết kế máy móc, thiết bị điện, điện tử, điện lạnh, viễn thông	7410
20.	Bán buôn tổng hợp chi tiết: Mua bán lâm sản	4690(Chính)
21.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
22.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp chi tiết: Mua bán bông và các sản phẩm từ bông	4719
23.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh chi tiết: Mua bán, hàng nông, thủy sản, đồ uống, thực phẩm chế biến, thực phẩm tươi sống và các thực phẩm khác	4722
24.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
25.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản chi tiết: Chế biến thủy sản	1020
26.	Chế biến và bảo quản rau quả chi tiết: Chế biến hàng nông sản	1030
27.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật Chi tiết: Sản xuất dầu, mỡ động vật Sản xuất dầu, bơ thực vật	1040
28.	Xay xát và sản xuất bột thô Chi tiết: Xay xát Sản xuất bột thô	1061
29.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
30.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
31.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
32.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075

33.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Sản xuất đồ uống, thực phẩm chế biến, thực phẩm tươi sống và các thực phẩm khác	1079
34.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai Sản xuất đồ uống không cồn	1104
35.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
36.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ chi tiết: Chế biến lâm sản(trừ lâm sản nhà nước cấm)	1610
37.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện chi tiết: Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ	1629
38.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa chi tiết: Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy	1701
39.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa	1702
40.	In ấn	1811
41.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
42.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm Sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
43.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Sản xuất hóa chất phục vụ cho sản xuất giấy, và in ấn (Trừ các loại hóa chất nhà nước cấm)	2029
44.	Sản xuất sản phẩm từ plastic chi tiết: Sản xuất nhựa và các sản phẩm từ nhựa	2220
45.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng	2392
46.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính chi tiết: Sản xuất máy móc thiết bị tin học, mạng thông tin và các phần mềm máy tính (trừ thiết bị thu phát sóng)	2620
47.	Sản xuất thiết bị truyền thông chi tiết: Sản xuất máy móc thiết bị viễn thông	2630
48.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện chi tiết: Sản xuất , máy móc, thiết bị điện, điện tử, điện lạnh, viễn thông (trừ thiết bị thu phát sóng)	2710
49.	Sản xuất máy chuyên dụng khác chi tiết: Sản xuất máy móc, thiết bị, phục vụ cho sản xuất giấy, và in ấn	2829
50.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
51.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912

52.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) chi tiết: Kinh doanh vận tải bằng ô tô: Vận tải khách theo tuyến cố định, vận tải khách bằng taxi, vận tải khách theo hợp đồng, vận tải khách du lịch,	4931
53.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ chi tiết: Kinh doanh vận tải bằng ô tô: vận tải hàng	4933
54.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản) (Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	5210
55.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chi tiết: Đại lý giao nhận vận tải	5229
56.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: Dịch vụ phục vụ đồ uống khác	5630
57.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5911
58.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
59.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt chi tiết: Dịch vụ làm sạch môi trường	8129
60.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Sản xuất các loại xe ô tô và phương tiện có gắn động cơ	3099
61.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Sản xuất bông và các sản phẩm từ bông	3290
62.	Sửa chữa thiết bị điện chi tiết: Sửa chữa, bảo hành, bảo trì máy móc, thiết bị điện, điện tử, điện lạnh, viễn thông (trừ thiết bị thu phát sóng)	3314
63.	Lắp đặt hệ thống điện chi tiết: Lắp đặt thiết bị điện, điện tử, điện lạnh, viễn thông (trừ thiết bị thu phát sóng)	4321
64.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị viễn thông (trừ thiết bị thu phát sóng)	4741
65.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị điện, điện tử, điện lạnh (trừ thiết bị thu phát sóng)	4759
66.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh chi tiết: Mua bán giấy và các sản phẩm từ giấy	4761

